TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 /01 /2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức
2. Ông Nguyễn Chí Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Quyên - Thư ký Tòa án.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 489/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 632/2024/QĐXXST –HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thái Tấn S, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp An Tr, xã Thành T, huyện M, tỉnh B

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp An Tr, xã Thành T, huyện M, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông và bà Lê Thị T kết hôn với nhau vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay, nhận thấy tình cảm đã không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà T. Do ông và bà T không có đăng ký kết hôn nên ông yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà T là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên Thái Hữu Tr, sinh ngày 16/11/1993 đã mất.

Tài sản chung và nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Thái Tấn S khởi kiện đối với bà Lê Thị T về việc yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà T nên quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Lê Thị T có nơi cư trú tại ấp An Trạch Tây, xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại điểm b khoản Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Tấn S và bà Lê Thị T kết hôn vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định của pháp luật thì nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Ông S bà T thuộc trường hợp phải đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông bà đã không thực hiện. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn, ông S yêu cầu ly hôn. Theo quy định của pháp luật thì Hội đồng xét xử không tuyên ông S được ly hôn với bà T mà tuyên bố không công nhận ông S bà T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Ông S bà T có 01 con chung tên Thái Hữu Tr, sinh ngày 16/11/1993 đã trưởng thành và mất (chết) năm 2014 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông S khai ông và bà T không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông S phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Thái Tấn S và bà Lê Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Thái Tấn S bà Lê Thị T có 01 con chung tên Thái Hữu Tr, sinh ngày 16/11/1993 đã trưởng thành và mất (chết) năm 2014 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Thái Tấn S khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Thái Tấn S phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004867 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (ông S đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Ông S có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở